

Số: 3459cc/QĐ-SYT

Tây Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023
của Sở Y tế**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành văn bản Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Y tế Tây Ninh; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ngày 09/12/2022 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở Y tế Tây Ninh (theo biểu đính kèm).


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Y tế, Văn phòng Sở Y tế Tây Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Cổng thông tin điện tử SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Trương Văn Hùng

Trương Văn Hùng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Của đơn vị: **SỞ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Trong đó		Ghi chú
		Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thực giao đơn vị	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh (dùng làm CCTL và chính sách an sinh xã hội)	
1	2=3+4	3	4	5
I. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ				
1. Tổng số thu phí, lệ phí	1.108	-	-	
- Phí kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	263			
- Phí trong lĩnh vực Y tế	500			
- Phí giám định y khoa	345			
2. Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	328	-	-	
- Phí kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	0			
- Phí trong lĩnh vực Y tế	0			
- Phí giám định y khoa	328			
3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	780	-	-	
II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)				
A. Chi cân đối ngân sách địa phương	277.648	274.491	3.157	
1. Chi quản lý hành chính	9.209	8.951	258	
- Số biên chế được giao	53			
- Tổng số chi	9.209	8.951	258	
+ Kinh phí tự chủ	8.147	7.967	180	
. Văn phòng Sở	4.977	4.875	102	
. Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình	1.232	1.203	29	
. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1.938	1.889	49	
+ Kinh phí không tự chủ	1.062	984	78	
. Văn phòng Sở	788	733	55	
. Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình	62	57	5	
. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	212	194	18	
2. Chi Sự nghiệp kinh tế (Sự nghiệp giao thông)	45	45	0	
- Kinh phí tuyên truyền an toàn giao thông	45	45		
3. Chi Sự nghiệp Môi trường	500	500	0	
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường (kinh phí không giao quyền tự chủ).	500	500		
4. Chi Sự nghiệp Đào tạo	13.934	13.901	33	
*Số người làm việc trong đơn vị SN công lập	31			
4.1. Chi bộ máy sự nghiệp	3.934	3.901	33	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	3.934	3.901	33	
. Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh	3.934	3.901	33	



NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Trong đó		Ghi chú
		Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thực giao đơn vị	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh (dùng làm CCTL và chính sách an sinh xã hội)	
1	2=3+4	3	4	5
4.2. Chi hoạt động sự nghiệp (kinh phí không giao quyền tự chủ).	10.000	10.000	0	
+ Chính sách đào tạo, thu hút bác sĩ	10.000	10.000		
5. Sự nghiệp Y tế	253.735	250.869	2.866	
*Số người làm việc trong đơn vị SN công lập	1.344			
5.1. Chi bộ máy sự nghiệp	152.423	149.557	2.866	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	152.423	149.557	2.866	
. Khối y tế dự phòng	71.915	70.617	1.298	
. Khối trạm y tế xã	80.508	78.940	1.568	
5.2. Chi hoạt động sự nghiệp y tế (kinh phí không giao quyền tự chủ)	101.280	101.280	0	
+ Phòng chống dịch bệnh	22.000	22.000	0	
+ Các hoạt động chuyên môn khác	3.948	3.948	0	
+ Trợ cấp hàng tháng cho Bác sĩ	30.560	30.560	0	
+ Trợ cấp y tế xã, phường	3.410	3.410	0	
+ Chính sách cho cộng tác viên	4.362	4.362	0	
+ KP thực hiện các chương trình đề án được duyệt	11.000	11.000	0	
+ Các hoạt động dự phòng, phòng bệnh và dân số	17.000	17.000	0	
+ Mua thẻ BHYT cho bệnh nhân HIV/AIDS	2.000	2.000	0	
+ Quỹ khám chữa bệnh người nghèo	5.000	5.000	0	
+ Mua thuốc ARV	2.000	2.000	0	
5.3. Kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững (kinh phí không giao quyền tự chủ)	32	32	0	
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - vốn trong nước)	225	225	0	
B.1. Chi CTMTQG	225	225	0	
1. Sự nghiệp Y tế	225	225	0	
- CTMTQG Giảm nghèo bền vững	215	215	0	
2. Chi quản lý hành chính	10	10	0	
- CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	10	10	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).